

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HS-ST
Ngày: 01 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Tiến – Nguyên Giáo viên, Nghề nghiệp: Chủ tịch hội khuyến học huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2. Bà Lê Thị Xuân Đào - Nguyên Giáo viên, Nghề nghiệp: Phó chủ tịch hội khuyến học huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị T1 Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 và ngày 01 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Q, sinh ngày 15/4/2002.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn N, sinh năm 1973 (sống) và bà Lê Thị H, sinh năm 1974 (sống); Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 1997; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xử phạt Phạm Văn Q 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/7/2021. Đến ngày 6/12/2021 chưa được xóa án tích; Tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 10/12/2021 đến nay (bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/9/2004, tại Long An;

Nơi cư trú: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1975 (chết) và bà Nguyễn Kim P, sinh năm: 1986 (sống); Anh chị em ruột: Có một người sinh năm 2003; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị can Nguyễn Thanh T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/12/2021 đến ngày 10/4/2022 tại thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An (bị cáo có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thanh T: Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1986; Địa chỉ: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T là: Ông Nguyễn Văn K – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở tư pháp tỉnh Long An, có mặt

3. Võ Thanh T1, sinh ngày 24/6/2004, tại Long An;

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn C, sinh năm: 1983 (sống) và bà Huỳnh Thị K, sinh năm: 1976 (sống); Anh chị em ruột có 01 người em, sinh năm 2009; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo Võ Thanh T1 đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/12/2021 đến ngày 10/4/2022 tại xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (bị cáo có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Võ Thanh T1: ông Võ Văn C, sinh năm 1983 và bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh L; (ông C có mặt, bà Kiều vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thanh T1 là: Ông Nguyễn Văn K – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở tư pháp tỉnh Long An, có mặt

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Bình N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Võ Thanh P, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh L. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Bà Hà Thị Thu T2, sinh năm 1978; Địa chỉ: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

2. Ông Võ Thành N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp G thị trấn , huyện Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

3. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

4. Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1968; Địa chỉ: K4, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

5. Nguyễn Tấn S, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Văn L, Võ Thị G, Nguyễn Đình Q, Hoàng N(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/12/2021, Phạm Văn Q gọi điện thoại rủ S hẹn S ở khu vực Cầu sắt gặp Q để đi trộm tài sản, S đồng ý và gọi điện thoại cho Võ Thanh T1, sinh ngày 24/6/2004 hẹn gặp nhau tại khu vực Cầu sắt thuộc xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An để đi tìm tài sản lấy trộm, T1 đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe mô tô Exciter, màu đỏ đen, biển số 62P2-099.81 đến khu vực Cầu sắt gặp Q, S điều khiển xe chở Q đi được 100m thì gặp T1 đang điều khiển xe mô tô Exciter, màu đỏ đen, biển số 70L1-778.76 đi một mình. Tại đây, Q lấy ra 02 mũi dao dài 15cm và 01 chìa khóa chữ T dùng để bẻ khóa công tắc xe mô tô cho S và T1 xem đồng thời nói với S và T1 để Q điện thoại cho Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/9/2004 đi chung xe với T1 để T và T1 canh giới còn S chở Q tiếp cận tài sản cho Q vào lấy trộm, bàn bạc xong cả nhóm cùng thống nhất. Q điện thoại cho T rủ T đi trộm xe mô tô, T đồng ý. S chạy xe mô tô của S biển số 62P2-099.81 chở Q, T1 điều khiển xe mô tô của T1 biển số 70L1-778.76 cùng S và Q đi đến Cầu nhà thờ thuộc thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đón T, T1 chở T, S chở Q cùng nhau đi tìm tài sản để lấy trộm.

Khi đi đến nhà Ông Nguyễn Bình N, sinh năm 1971, nơi cư trú: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, màu xanh đen, biển số 62P1-751.56 dựng trong nhà không người trông coi nên cả nhóm thống nhất lấy trộm xe mô tô này. S, T, T1 ở ngoài canh giới còn Q đi lại vị trí xe mô tô biển số 62P1-751.56, thấy xe có sẵn chìa khóa nên Q dẫn lùi xe mô tô này đi ra ngoài đến cửa chính nhà Ông N cách vị trí ban đầu khoảng 3,5 mét, Q mở công tắc lên nổ máy nhưng xe không khởi động được. Lúc này, Ông N phát hiện truy hô nên Q bỏ xe mô tô lại rồi lên xe của S cùng T1 và T chạy tẩu thoát đến đường tỉnh lộ 825 thuộc thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Q qua xe T1, T qua xe S cùng nhau chạy về hướng Đức Lập để tiếp tục tìm tài sản lấy trộm.

Khi đến trước cửa hàng chuyển phát nhanh bảng hiệu GHN thuộc Ấp G thị trấn , huyện Đ, tỉnh L cả nhóm nhìn thấy 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu đen bạc, biển số 62P1-234.33 của Ông Võ Thanh P, sinh năm: 1994, nơi cư trú: Ấp

R, xã M, huyện Đ, tỉnh L dựng trước cửa hàng trên xe có sẵn chìa khóa không người trông coi nên cả nhóm dừng xe lại, Q xuống xe đi lại vị trí xe mô tô biển số 62P1-234.33 mở công tắc xe nổ máy cùng S, T, T1 tẩu thoát về hướng ngã tư Đức Lập. Khi đến ngã tư Đức Lập, S kêu Q đưa xe mô tô vừa trộm được cho T và T1 chạy về bãi giữ xe gần ngã ba thị trấn Hiệp Hòa để gửi, S và Q sẽ đến khu công nghiệp Tân Đức tiếp tục tìm tài sản để lấy trộm đồng thời chờ T và T1, T và T1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe Exciter của T1, T1 điều khiển xe mô tô biển số 62P1-234.33 cùng nhau đi đến tiệm giữ xe không biển hiệu của Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1968, nơi cư trú: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L làm chủ để gửi xe mô tô biển số 62P1-234.33 vừa trộm được. Gửi xe xong, T1 nhận được điện thoại của S kêu đến ngã ba Khu công nghiệp Tân Đức để tiếp tục đi tìm tài sản để lấy trộm, T1 điều khiển xe mô tô Exciter biển số 70L1-778.76 của T1 chở T đến Khu công nghiệp Tân Đức gặp S và Q. Sau đó, S, Q, T, T1 cùng nhau đi đến dãy trọ không tên thuộc ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì dừng xe ngoài đầu đường dãy phòng trọ quan sát để tìm tài sản lấy trộm. Lúc này, có lực lượng Công an đi tuần tra phát hiện nên S điều khiển xe chở Q bỏ chạy còn T1 và T bị lực lượng Công an mời làm việc. Sau khi bỏ chạy thoát, S điều khiển xe mô tô chở Q về nhà S, Q mượn xe của S rồi điều khiển xe về nhà Q. Đến khoảng 09 giờ ngày 07/12/2021, Q điều khiển xe Exciter của S đến bãi giữ xe của bà Hòa lấy xe mô tô biển số 62P1-234.33 đưa cho S đi qua Campuchia bán được 3.000.000 đồng, S chia cho Q 1.500.000 đồng, Q tiêu xài vào mục đích cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành cho T và T1 tiến hành nhận dạng Q và mời Q làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Phạm Văn Q, Võ Thanh T1, Nguyễn Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá số: 120/KL.ĐGTS ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa kết luận: 01 xe mô tô hiệu HONDA, loại BLADE, màu xanh đen, biển số 62P1-751.56, số khung: 3658GY109176, số máy: JA36E0583113 trị giá thành tiền 13.845.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xanh, biển số 62P1-234.33, số khung: 630DY28126, số máy: 5C63728127 trị giá thành tiền 9.400.000 đồng. Tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá thành tiền: 23.245.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSĐH ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Q trình bày: Bị cáo là người rủ bị cáo Nguyễn Tấn S và rủ bị cáo Nguyễn Thanh T cùng với Võ Thanh T1 (do S gọi điện rủ) mục đích đi tìm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo xác định Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 là những người đang có mặt tại phiên tòa hôm nay. Bị cáo là người trực tiếp vào nhà bị hại Nguyễn Bình Như và Võ Thanh Phú để trộm tài sản các bị cáo còn lại ở ngoài nhằm nhiệm vụ cảnh giới. Bị cáo hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T trình bày: Bị cáo Q là người gọi điện rủ bị cáo đi trộm tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân, tại tòa bị cáo xác định Nguyễn Tấn S, Phạm Văn Q và Võ Thanh T1 cùng với bị cáo là những người thực hiện hành vi trộm như cáo trạng truy tố. Bị cáo Q là người thực hiện việc vào nhà bị hại trộm còn các bị cáo còn lại có nhiệm vụ canh giới. Bị cáo hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thanh T là bà Nguyễn Kim Phượng trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo T. Bà thống nhất với hành vi phạm tội cũng lời thống nhất lời trình bày của T tại phiên tòa hôm nay. Về trách nhiệm hình sự bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T vì bị cáo T còn nhỏ tuổi, bị bạn bè rủ rê mới phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thanh T1 trình bày: Nguyễn Tấn S là người gọi điện rủ bị cáo đi trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, tại tòa bị cáo xác định Nguyễn Tấn S, Phạm Văn Q và Nguyễn Thanh T cùng với bị cáo là những người thực hiện hành vi trộm như cáo trạng truy tố. Bị cáo Q là người thực hiện còn các bị cáo còn lại có nhiệm vụ canh giới. Bị cáo hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Võ Thanh T1 là ông Võ Văn C trình bày: Ông là cha ruột của bị cáo T1. Ông thống nhất với hành vi phạm tội cũng lời thống nhất lời trình bày của T1 tại phiên tòa hôm nay. Về trách nhiệm hình sự bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1 vì bị cáo T1 còn nhỏ tuổi, bị bạn bè rủ rê mới phạm tội.

Tại phiên tòa, Nguyễn Tấn S trình bày: Phạm Văn Q là người gọi điện rủ S đi trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, tại tòa bị cáo xác định Võ Thanh T1, Phạm Văn Q và Nguyễn Thanh T cùng với bị cáo là những người thực hiện hành vi như cáo trạng truy tố. Bị cáo Q là người thực hiện còn các bị cáo còn lại có nhiệm vụ canh giới. Về trách nhiệm dân sự bản thân S đã bồi thường cho bị hại Võ Thanh Phú giá trị xe mô tô là 9.400.000đồng, bản thân đã tự nguyện bồi thường xong không đề nghị các bị cáo khác liên đới trả lại.

Bị hại Ông Nguyễn Bình N trình bày trong đơn đề ngày 18/5/2022: Lời khai của ông đã rõ tại cơ quan điều tra, ông đã nhận lại tài sản không có ý kiến gì. Vì bận công việc nên ông đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông trong vụ án này.

Bị hại Ông Võ Thanh P trình bày trong đơn đề ngày 18/5/2022: Ông là bị hại trong vụ án, lời khai của ông đã rõ tại cơ quan điều tra, ông đã nhận đủ tiền

bồi thường và không có ý kiến, yêu cầu gì. Vì bận công việc nên ông đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông trong vụ án này.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h, o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Phạm Văn Q mức hình phạt tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và các Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức hình phạt tù 09 tháng tù đến 01 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 và các Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Võ Thanh T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Võ Thanh T1 mức hình phạt tù 09 tháng tù đến 01 năm tù.

Căn cứ vào Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Về xử lý tang vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu đỏ, số khung: RLCE5P710AY040085, số máy: 5P71-040087 và 01 biển số 70L1- 778.76, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bàn giao vật chứng theo Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu số 17, 18 ngày 05/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nên không đề cập xem xét.

- 01 xe mô tô Honda Blade, màu xanh đen, biển số 62P1-751.56, số khung: 3658GY109176, số máy: JA36E0583113 là tài sản hợp pháp của Ông Nguyễn Bình N. Ngày 15 /12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại xong cho Ông N nên không đề cập xem xét.

Đối với số tiền 1.000.000đồng mà gia đình bị cáo Q đã nộp để bồi thường nhưng Nguyễn Tấn S đã bồi thường cho bị hại xong không đề nghị các bị cáo khác hoàn trả nên đề nghị hoàn trả cho bị cáo Q số tiền 1.000.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Bình N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt xong và Ông Võ Thanh P sau khi đã nhận tiền bồi thường không có yêu cầu gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thanh T, Võ Thanh T1 tranh luận: Qua cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Võ Thanh T1 phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội không oan sai.

Về mức hình phạt: Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đề nghị mức án nêu trên cũng có xem xét cho các bị cáo về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, thời điểm thực hiện tội phạm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo T và T1 khi phạm tội các bị cáo dưới 18 tuổi, chưa hiểu biết về pháp luật, hai bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, hai bị cáo thành khẩn khai báo có ý thức ăn năn và tài sản đã thu hồi và bồi thường cho bị hại xong. Riêng đối với bị cáo T hoàn cảnh gia đình cha mất sớm không có người chỉ bảo, bị bạn bè rủ rê; đối với bị cáo T1 gia đình lo bạn làm ăn thiếu quan tâm, bị bạn bè rủ rê tham gia phạm tội do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử các bị cáo T và T1 với mức hình phạt 02 năm cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tranh luận: Khi lượng hình Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa cũng đã xem xét cho bị cáo Võ Thanh T1, Nguyễn Thanh T có nhân thân tốt, hai bị cáo khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên hình phạt đã đề nghị xem xét là $\frac{3}{4}$ đối với hình phạt 03 năm tù theo khung hình phạt nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đã đề nghị mức án 09 tháng đến 01 năm tù cho hai bị cáo. Tuy nhiên hai bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên, các bị cáo cố tình phạm tội và thực hiện hành vi liên tục vì vậy việc người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo T1 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử các bị cáo T và T1 với mức hình phạt 02 năm cải tạo không giam giữ là không phù hợp đề nghị không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, **các** bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tuy nhiên những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 và của Nguyễn Tấn S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc ngày 06/12/2021, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 120/KL.ĐGTS ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định:

Do muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/12/2021, Phạm Văn Q cùng Nguyễn Tấn S, Võ Thanh T1 và Nguyễn Thanh T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô hiệu Honda loại Blade biển số 62P1-751.56 trị giá 13.845.000 đồng của ông Nguyễn như Bình tại K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L và 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 62P1-234.33 trị giá 9.400.000 đồng của Ông Võ Thanh P tại Ấp G thị trấn , huyện Đ, tỉnh L. Tổng trị giá tài sản các bị cáo Phạm Văn Q, Võ Thanh T1 và Nguyễn Thanh T chiếm đoạt được là 23.245.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Phạm Văn Q, Võ Thanh T1 và Nguyễn Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà các bị cáo Q, T và T1 gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Bình N và Ông Võ Thanh P mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương là mầm mống của nhiều hành vi phạm tội khác.

Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn và chưa có sự câu kết chặt chẽ, tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cần xem xét, phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Trong vụ án này bị cáo Phạm Văn Q thực hiện hành vi phạm tội với vai trò người rủ rê và người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 là đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội với vai trò người cảnh giới cho bị cáo Q.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Đối với bị cáo Phạm Văn Q:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội thuộc trường hợp tái phạm (Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xử phạt Phạm Văn Q 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/7/2021; đến ngày 6/12/2021 chưa được xóa án tích), phạm tội hai lần trở lên và thuộc trường hợp xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội (rủ rê bị cáo Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/9/2004) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, Võ Thanh T1:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Võ Thanh T1 phạm tội thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 chưa có tiền án, tiền sự; trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, có ý thức ăn năn hối cải và khi phạm tội các bị cáo dưới 18 tuổi. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), ngoài ra đây là vụ án đồng phạm nhưng vai trò của bị cáo T, bị cáo T1 chỉ cảnh giới nên khi áp dụng hình phạt cho các bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

[4]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với ý kiến tranh luận của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử các bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 với mức hình phạt 02 năm cải tạo không giam giữ là không phù hợp bởi lẽ như đã phân tích tại mục [3] các bị cáo T, T1 có tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên, hai bị cáo thực hiện với lỗi cố ý và thực hiện hành vi liên tục nếu không bị lực lượng Công an tuần tra phát hiện bắt giữ thì các bị cáo khai đang còn đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt, điều này thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo, ngoài ra trên địa bàn huyện Đức Hòa tội phạm đang trẻ hóa, tội trộm cắp tài sản đang có chiều hướng gia tăng tạo tâm lý lo lắng cho bị hại và tạo dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân nên mức hình phạt 02 năm cải tạo không giam

giữ theo đề nghị của người bào chữa đối với bị cáo T, T1 là chưa tương xứng với hành vi phạm tội và chưa đủ tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo hai bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Về xử lý tang vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu đỏ, số khung: RLCE5P710AY040085, số máy: 5P71-040087 và 01 biển số 70L1- 778.76 là những vật chứng của 02 vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại khu phố Gia Tân, phường Gia Lộc và khu phố An Phú, phường An Tịnh thuộc thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ngày 05/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bàn giao vật chứng theo Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu số 17/QĐ-CSĐT và 18/QĐ-CSĐT ngày 05/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giải quyết theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- 01 xe mô tô Honda Blade, màu xanh đen, biển số 62P1-751.56, số khung: 3658GY109176, số máy: JA36E0583113 là tài sản hợp pháp của Ông Nguyễn Bình N. Ngày 15/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho Ông N là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với số tiền 1.500.000đồng là tiền thu lợi bất chính bị cáo Q có được do Nguyễn Tấn S chia khi bán xe mô tô 62P1-234.33. Gia đình bị cáo Q đã tự nguyện nộp 1.000.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002329 ngày 05/4/2022 nhưng Nguyễn Tấn S đã bồi thường tài sản là xe mô tô 62P1-234.33 xong, bị hại Võ Thanh Phú đã nhận không yêu cầu gì thêm nên cần trả lại cho bị cáo Q số tiền 1.000.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002329 ngày 05/4/2022 là phù hợp.

[6]. Đối với xe mô tô Exciter, màu đỏ đen, biển số 62P2-099.81 Nguyễn Tấn S (chở Phạm Văn Q) sử dụng làm phương tiện phạm tội là tang vật chứng sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo Quyết định tách vụ án hình sự số 02/QĐ-CSHS ngày 09/3/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đối với Nguyễn Tấn S nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Bình Như đã nhận lại tài sản và bị hại Ông Võ Thanh P đã nhận tiền bồi thường xong không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

Đối với số tiền 9.400.000đồng Nguyễn Tấn S đã tự nguyện bồi thường cho Ông Võ Thanh P xong. Tại phiên tòa Nguyễn Tấn S không đề nghị các bị cáo liên đới trả lại nên hội đồng xét xử ghi nhận, không đề cập giải quyết.

[8]. Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Tấn S cùng với các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 đã được Cơ quan điều tra tách vụ án theo Quyết định tách vụ án hình sự số 02/QĐ-CSHS ngày 09/3/2022 của Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa và sẽ được giải quyết trong vụ án khác nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[9]. Đối với người đàn ông người Campuchia đã mua xe 62P1.234.33 mà Nguyễn Tấn S bán do không rõ nhân thân lai lịch, chỉ có lời khai của Nguyễn Tấn S nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h, o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2021.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn Q 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/6/2022) để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Thanh T tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Điều 98 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thanh T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thanh T1 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Thanh T1 tính từ ngày bị cáo chấp hành án

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An trả lại cho bị cáo Phạm Văn Q số tiền 1.000.000đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002329 ngày 05/4/2022 của cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T và Võ Thanh T1 mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thành